

BÁO CÁO TUẦN 08

24/02/2025 – 28/02/2025

VN-Index áp sát ngưỡng cản trung hạn 1,300 điểm

MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index lấy đà áp sát ngưỡng cản trung hạn 1,300 điểm*

4. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Truyền thông +6.90%*

5. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

6. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	21/02/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	6013.13	-1.7%	-1.7%	-1.2%	18.2%
EU (EURO STOXX 50)	5474.85	0.3%	-0.3%	5.2%	12.8%
Trung Quốc (SHCOMP)	3379.113	0.8%	1.0%	5.1%	13.1%
Nhật Bản (NIKKEI)	38776.94	0.3%	-1.0%	-2.2%	-0.8%
Hàn Quốc (KOSPI)	2654.58	0.0%	2.5%	4.2%	-0.4%
Singapore (STI)	3929.94	0.1%	1.4%	3.9%	21.9%
Thái Lan (SET)	1246.21	0.0%	-2.0%	-8.5%	-11.1%
Phillipines (PCOMP)	6098.04	0.5%	0.6%	-3.9%	-11.7%
Malaysia (KLCI)	1591.03	0.8%	0.0%	0.2%	2.9%
Indonesia (JCI)	6803.001	0.2%	2.5%	-6.3%	-7.3%
Việt Nam (VNI)	1296.75	0.3%	1.6%	4.4%	5.7%
Việt Nam (HNX)	237.57	-0.2%	2.7%	7.7%	1.5%
Việt Nam (UPCOM)	100.61	0.5%	2.3%	8.1%	11.1%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

Lo ngại về triển vọng ngành tiêu dùng, chính sách thuế quan mới Hoa Kỳ

TTCK có phản ứng nhạy cảm trước dự báo tiêu dùng. Walmart giảm 6.5% sau khi dự báo doanh số tăng nhẹ 2025 và triển vọng lợi nhuận 2026 thấp hơn kỳ vọng. Điều này kéo theo giảm giá của các công ty bán lẻ và sự thoái lui của S&P500 sau khi lập đỉnh mới trong tuần. Chính sách thuế quan Hoa Kỳ cũng có nguy cơ đẩy lên một nấc thang mới khi TTg Trump tuyên bố áp thuế quan 25% lên ô tô, chất bán dẫn, được phẩm và sau đó gỗ xẻ, gỗ chặt nhập khẩu. Môi trường kinh tế thế giới rủi ro, khó dự báo, giá kim loại quý tiếp tục đẩy lên đỉnh cao mới.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm bình quân 0.2%, EU600 +0.1%, Nikkei 225 -0.8%; CSI 300 +1.0%.
- Chỉ số hàng hóa +1.7%, giá dầu +2.5%, gas +12.2%, các kim loại kéo dài đà tăng giá (Vàng+1.7%, Bạc +2.3%) và các kim loại (Thép +3.3%, Kẽm +3.5%, Nhôm +3.5%).
- Chỉ số DXY -0.01% và lợi tức TP Hoa Kỳ 10y +0.01%.

Biên bản FOMC cuộc họp tháng 1 các nhà hoạch định giữ lãi suất ở mức 4.25-4.5% và thay quan điểm cho rằng lạm phát đã “tiến triển” hướng mục tiêu 2% thành tốc độ tăng giá vẫn ở mức cao. Ủy ban nhận định nền kinh tế thực nhìn cân bằng, nhưng rủi ro lạm phát vẫn nghiêng về phía tăng do thay đổi chính sách thương mại, nhập cư cũng như nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh. Các quan chức nhất trí cần thấy lạm phát giảm thêm mới tiếp tục hạ lãi suất. Công cụ Fedwatch cho thấy thị trường kỳ vọng không có đợt giảm lãi suất vào tháng 3 trong khi có đến 80% cho rằng lãi suất tiếp tục duy trì vào kỳ họp tháng 5.

Bầu cử Đức; CPI Úc, Nhật và EU; Báo cáo chính sách tiền tệ Anh; Chỉ số niềm tin tiêu dùng, Doanh thu bán nhà mới, Đơn đặt hàng hóa lâu bền, Đơn xin trợ cấp thất nghiệp và GDP công bố lần thứ 2 Hoa Kỳ là thông tin chú ý trong tuần tới.

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	21/02/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	2,936.1	-0.1%	1.9%	6.5%	45.0%
Bạc	USD/ozt	32.5	-1.5%	1.1%	5.3%	42.7%
Thép HRC	USD/T.	778.0	-0.1%	1.3%	13.1%	-15.6%
Nhôm	USD/MT	2,692.7	-1.5%	1.2%	2.2%	24.1%
Niken	USD/MT	15,366.0	-1.0%	0.7%	-1.3%	-10.9%
Quặng sắt	CNY/MT	843.5	1.7%	2.9%	5.4%	-16.2%
Dầu Brent	USD/bbl.	74.4	-2.7%	-0.4%	-5.8%	-11.0%
Dầu WTI	USD/bbl.	70.4	-3.0%	-0.5%	-6.7%	-10.4%
Xăng	USd/gal.	202.7	-2.9%	-3.0%	-1.5%	-13.2%
Than đá	USD/MT	102.0	-1.4%	-0.7%	-12.6%	-14.6%
Đậu tương	USd/bu.	1,039.5	-0.6%	0.3%	-1.6%	-9.4%
Cao su	JPY/kg	380.0	2.7%	0.6%	-0.4%	24.8%
Đường	USD/MT	560.2	0.9%	4.2%	17.3%	-9.6%

Nguồn: Bloomberg

TTCK VIỆT NAM

VN-Index duy trì tuần thứ 5 tăng điểm kể từ tháng 7/2023

VN-Index tăng 1.6%, áp sát ngưỡng tâm lý 1,300 điểm cùng với thanh khoản tăng 23%. Khối lượng đang có xu hướng cải thiện khi chỉ số tiến gần ngưỡng cân trung hạn.

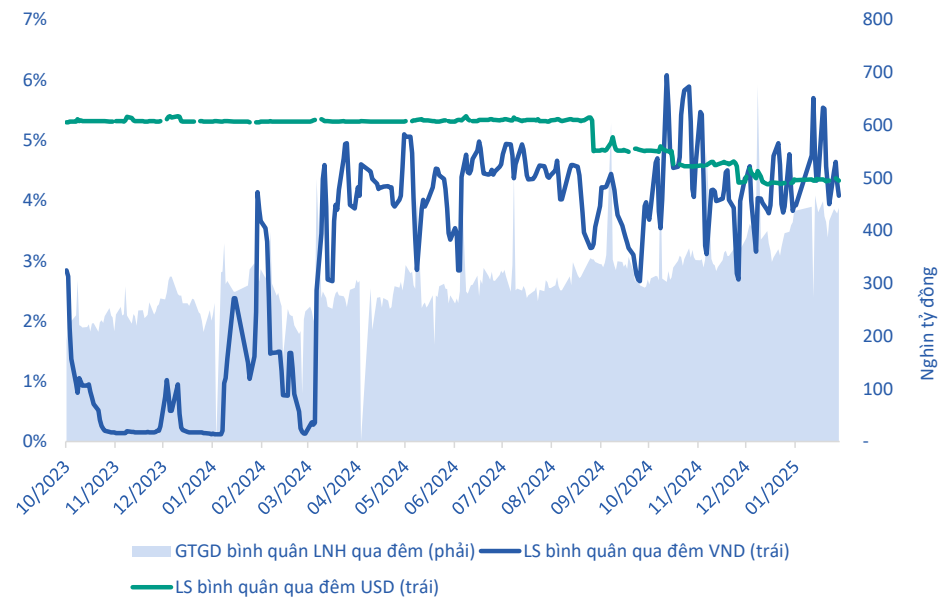
- Đà tăng điểm duy trì tốt nhờ vận động đỡ giá của các cổ phiếu có vốn hóa lớn cho dù thị trường chịu áp lực tâm lý từ hoạt động chốt lãi diễn ra ở các cổ phiếu nóng.
- Độ rộng tăng điểm áp đảo với 17/18 ngành tăng điểm. 1 số ngành có quy mô nhỏ như truyền thông, hóa chất, ô tô & phụ tùng tăng từ 5.4 – 6.9% trong khi công nghệ là ngành duy nhất giảm điểm -0.2% chủ yếu do FPT giảm 2% trong tuần.
- Khối ngoại tiếp tục giảm quy mô bán ròng xuống còn 38 triệu USD từ mức 74 triệu USD tuần trước và có phiên mua ròng trở lại.

Kỳ họp bất thường lần thứ 9 Quốc hội khóa XV kết thúc 19/2 với một số nội dung quan trọng được thông qua: (1) Thông qua mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% trở lên; (2) Kiện toàn bộ máy nhân sự Quốc hội và Chính phủ; (3) Thông qua chủ trương xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng; (4) Thông qua 6 Nghị quyết cơ chế chính sách đặc thù với các dự án trọng, công trình trọng điểm như dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1, 2, đường sắt đô thị Hà Nội, HCM. Kỳ họp Quốc hội lần này đã cụ thể hóa các chủ trương của Đảng tập trung cải cách thể chế, nhân lực, hạ tầng nhằm thúc đẩy kinh tế xã hội.

Chúng tôi vẫn thận trọng và chờ phiên tăng điểm dứt khoát tại ngưỡng cân 1,300 điểm xác nhận xu hướng tăng điểm trung hạn để khuyến nghị mở rộng tỷ trọng đầu tư. Do vậy, quan điểm cân nhắc chốt lãi bớt ở các cổ phiếu vừa và nhỏ đã tăng mạnh và sẵn sàng quay lại các cổ phiếu dẫn dắt khi xu hướng được xác lập.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 52	24,806.9	101,372.9	76,566.0	5,109.9
Tuần 53	61,140.0	72,396.2	11,256.2	16,366.1
Tuần 1	142,736.1	90,139.9	(52,596.2)	(36,230.1)
Tuần 2	87,749.9	98,380.0	10,630.1	(25,600.0)
Tuần 3	72,849.6	202,180.0	129,330.4	103,730.4
Tuần 4	0.0	0.0	0.0	103,730.4
Tuần 5	90,613.1	124,923.5	34,310.5	138,040.8
Tuần 6	140,738.2	102,633.6	(38,104.7)	99,936.2
Tuần 7	90,813.7	56,658.4	(34,155.3)	65,780.9

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.38%	4.55%	4.70%	5.26%
So với tuần trước	-0.39%	-0.25%	-0.27%	+0.01%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	438,380.0	11,463.0	6,246.5	4,119.0
So với tuần trước	+4.09%	-17.05%	-5.13%	-6.73%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 20/02/2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 7, SBV đã phát hành 21,699.3 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 37,058.8 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã hút ròng -34,155.3 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng thu hẹp biên độ dao động, ổn định quanh ngưỡng 4.5%.

PTKT: VN-Index lấy đà áp sát ngưỡng cản trung hạn 1,300 điểm

Đồ thị ngày: Vận động giá khá tương đồng diễn biến tuần trước, VN-Index giảm đầu tuần tăng tốc giữa tuần và chững giá vào cuối tuần. Chỉ số tiếp có thêm những phiên tăng điểm tạo gap tăng giá, bám dải bollinger band trên và cũng hình thành các cây nến doji cuối tuần. Nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn vận động tăng giá luân phiên, xen kẽ nhịp điều chỉnh của các cổ phiếu nóng giúp cho VN-Index vẫn duy trì đà tăng tốt, áp lực chốt lãi dần trải không tạo ra phiên phân phối. VN-Index đang kiểm tra ngưỡng cản trung hạn tại 1,300 điểm và các các chỉ báo kỹ thuật đang tiến dần về mức quá mua.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 59 lên 68 điểm.
- MACD vượt trên đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng 23% với giao dịch tuần trước.
- VN-Index giữ trên SMA 20, SMA 50, 100, 200 và bám sát dải bollinger band trên.

Kết luận: Trái ngược với lo ngại về khả năng điều chỉnh tại ngưỡng cản cũng như thị trường chưa có quá 4 tuần tăng điểm kể từ tháng 8/2023, VN-Index tiếp tục có những phiên tăng tốc vượt áp sát ngưỡng kháng cự trung hạn tại 1,300 điểm. Dấu hiệu phân kỳ cảnh báo đảo chiều chưa xuất hiện, tuy nhiên các chỉ báo kỹ thuật đang dần vào vùng quá mua, chỉ số gặp ngưỡng cản tâm lý mạnh tại 1,300 điểm sẽ kích thích hoạt động chốt lãi và tần suất rung lắc diễn ra mạnh hơn trong tuần tới trước khi có thể xác nhận lại xu hướng tăng điểm trong trung và dài hạn.



Nguồn: FireAnt

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% Tăng	Điểm số
VCB	1.64	2.01
GVR	6.75	1.97
VHM	3.87	1.48
CTG	2.34	1.22
BCM	6.85	1.19
MWG	5.25	1.02
VPB	2.37	0.86
TCB	1.92	0.85
BVH	6.62	0.64
VNM	1.82	0.55
Tổng		11.79

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% Giảm	Điểm số
FPT	-2.00	-1.02
LPB	-2.93	-0.79
HVN	-3.26	-0.50
FRT	-3.41	-0.21
MSN	-0.73	-0.17
VTP	-2.44	-0.11
PNJ	-1.36	-0.11
STG	-6.23	-0.06
CSV	-4.05	-0.05
KDH	-0.59	-0.05
Tổng		-3.07

Khối ngoại mua ròng	
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
VCI	206.66
EIB	146.63
GVR	137.19
SHS	120.81
HPG	117.34
SHB	105.99
GEX	91.58
TCH	90.39
VHM	73.05
LPB	56.07
Tổng	1,145.70

Khối ngoại bán ròng	
Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
MWG	-373.16
FPT	-277.34
VNM	-186.53
GMD	-130.41
NLG	-129.17
VCB	-125.69
HDB	-116.33
SSI	-114.20
FRT	-105.57
DGC	-97.27
Tổng	-1655.66

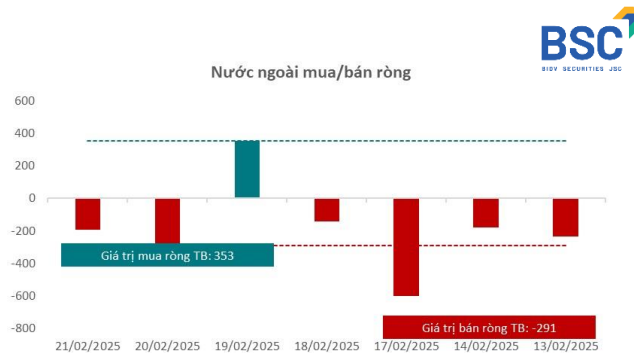
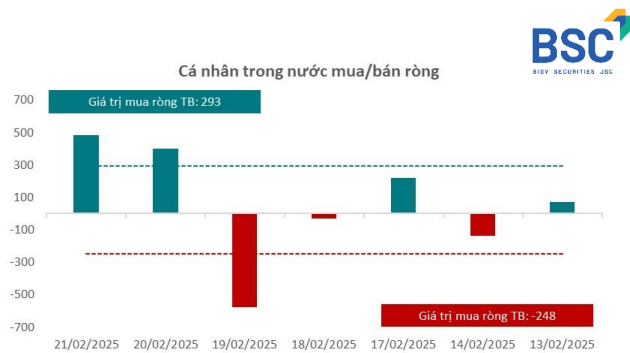
Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Truyền thông	-0.16%	6.90%	4.78%
Bảo hiểm	1.35%	5.60%	10.55%
Hóa chất	-0.02%	4.62%	10.31%
Ô tô và phụ tùng	0.08%	4.40%	5.53%
Bất động sản	-0.10%	3.35%	3.54%



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NDT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
MWG	8,666,538	493.67	LPB	3,031,327	(110.50)	VCI	5,725,299	206.66	MWG	6,759,492	(373.16)	FPT	2,874,369	409.81	VCI	7,260,849	(261.47)
FUEVFNVD	3,932,750	127.75	GEX	4,770,487	(107.46)	EIB	7,427,606	146.63	FPT	1,946,143	(277.34)	VNM	3,514,084	212.24	GVR	5,209,706	(165.04)
VIX	11,246,282	125.97	SBT	4,898,531	(66.10)	GVR	4,320,606	137.19	VNM	3,093,184	(186.53)	VCB	1,754,058	160.32	MWG	2,664,186	(161.88)
VCI	1,650,500	59.15	STB	1,638,400	(63.23)	HPG	4,458,019	117.34	GMD	2,135,675	(130.41)	DGC	1,131,362	121.59	HPG	5,910,015	(157.42)
VHM	1,429,100	58.14	FPT	429,051	(61.10)	SHB	9,637,871	105.99	SHB	4,023,000	(129.17)	FRT	638,855	120.09	VIX	13,615,963	(150.45)
GAS	671,300	45.73	VPB	2,642,070	(52.87)	GEX	4,078,338	91.58	VCB	1,374,758	(125.69)	NLG	3,594,637	115.27	TCH	7,017,764	(114.58)
VND	2,905,195	38.92	HAH	478,200	(25.62)	TCH	5,512,900	90.39	HDB	5,123,215	(116.33)	SSI	4,424,591	111.03	VND	7,865,394	(105.82)
E1VFN30	1,523,100	35.72	VNM	412,900	(25.32)	VHM	1,841,458	73.05	SSI	4,531,720	(114.20)	HDB	4,843,400	110.04	SHB	9,401,121	(101.47)
CTD	340,918	31.18	VRE	1,298,060	(22.29)	LPB	1,528,315	56.07	FRT	561,155	(105.57)	SAB	1,970,200	101.10	VSC	4,907,703	(90.72)
HSG	1,499,829	26.49	ACB	819,764	(21.37)	OCB	4,826,000	55.84	DGC	900,800	(97.27)	CTG	2,336,520	94.94	BID	2,015,419	(82.16)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	93.1	1.5%	0.5	520,344	234	6,053	15.4	-	22.8%	Link
BID	Ngân hàng	40.9	0.0%	0.93	282,108	122	3575	11.4	-	16.8%	Link
VPB	Ngân hàng	19.45	1.3%	0.92	154,315	860	1989	9.8	-	24.9%	Link
FPT	Công nghệ	142	-0.7%	1.03	208,892	759	5365	26.5	107,900	44.7%	Link
TCB	Ngân hàng	26.5	-0.2%	1.13	187,219	643	3054	8.7	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.9	0.2%	0.93	139,742	486	3729	6.1	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	38.85	0.3%	1.20	73,241	322	5351	7.3	-	22.7%	Link
CTG	Ngân hàng	41.5	1.6%	0.96	222,855	318	4719	8.8	-	26.8%	Link
ACB	Ngân hàng	26.2	1.0%	0.71	117,026	334	3759	7.0	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	25.35	0.4%	1.63	49,733	293	1536	16.5	-	39.0%	Link
IDC	BĐS KCN	56	0.2%	1.22	18,480	83	6050	9.3	65,700	22.2%	Link
HPG	VLXD	26.45	-0.4%	1.17	169,181	349	1879	14.1	41,500	21.6%	Link
HSG	VLXD	18	0.0%	1.55	10,898	59	935	18.8	25,300	9.1%	Link
VHM	BĐS	40.3	-0.6%	1.12	165,529	166	7286	5.5	108,300	12.1%	Link
KDH	BĐS	33.65	-1.6%	1.09	34,025	127	862	39.0	44,500	37.1%	Link
NLG	BĐS	32.9	0.0%	1.56	12,669	51	1331	24.7	-	41.3%	Link
DGC	Hóa chất	109.5	-0.7%	1.47	41,586	131	7870	13.9	115,000	16.9%	Link
DCM	Phân bón	35.9	0.0%	1.73	19,005	48	2518	14.3	38,700	5.7%	Link
GAS	Dầu khí	68.4	-0.6%	0.63	160,239	53	4439	15.4	-	1.7%	Link
PVS	Dầu khí	34.3	-0.6%	1.18	16,394	47	2473	13.9	57,000	18.8%	Link
PVD	Dầu khí	24.1	-1.0%	1.41	13,397	83	1252	19.3	38,400	9.8%	Link
POW	Tiện ích	12.35	1.2%	0.96	28,922	76	535	23.1	17,100	3.7%	Link
VHC	Thủy sản	71	0.9%	1.25	15,936	98	5496	12.9	108,500	27.0%	Link
GMD	Logistics	62	0.8%	1.04	25,667	62	4634	13.4	90,400	44.3%	Link
VNM	Bán lẻ	61.4	1.2%	0.53	128,323	291	4494	13.7	93,100	50.4%	Link
MSN	Bán lẻ	67.6	-0.6%	1.38	97,233	157	1345	50.3	110,000	25.6%	Link
MWG	Bán lẻ	58.1	2.5%	1.42	84,912	716	2544	22.8	-	44.6%	Link
PNJ	Bán lẻ	94.3	0.2%	0.79	31,864	46	6305	15.0	118,000	48.9%	Link
DGW	Bán lẻ	38.75	0.0%	1.94	8,493	68	2042	19.0	66,600	19.3%	Link
CTR	Công nghệ	120.5	0.4%	1.42	13,783	52	4709	25.6	-	8.3%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
C4G	Xây dựng	9.0	2.8%	1.6	3,231	17.3	700	12.9	0.8	0.0%	4.7%
PLC	Dầu khí	25.9	0.8%	1.5	2,093	10.6	1,386	18.7	1.7	0.4%	3.4%
GVR	BĐS KCN	32.4	0.2%	2.2	129,600	124.8	859	37.7	2.4	0.4%	8.2%
BSR	Dầu khí	20.2	-0.5%	0.0	62,475	49.2	91	221.6	1.1	0.5%	1.1%
ANV	Thủy sản	17.3	0.9%	1.7	4,606	36.3	1,082	16.0	1.7	0.8%	1.7%
QTP	Tiện ích	13.9	-0.7%	0.6	6,257	3.7	1,110	12.5	1.2	0.8%	12.5%
HUT	Xây dựng	17.3	0.6%	1.8	15,440	112.6	728	23.8	1.8	1.4%	1.6%
CSV	Hóa chất	43.9	-0.7%	1.6	4,845	57.7	1,891	23.2	3.2	1.8%	16.5%
SZC	BĐS KCN	44.0	-0.1%	1.7	7,910	76.0	1,268	34.7	2.6	2.2%	12.5%
LCG	Xây dựng	11.0	0.5%	1.9	2,114	52.4	678	16.1	0.8	2.5%	5.2%
EIB	Ngân hàng	20.2	-1.2%	1.0	37,627	194.5	2,225	9.1	1.5	2.7%	14.0%
VSC	Logistics	18.2	0.0%	1.5	5,220	37.7	893	20.4	1.1	3.2%	12.3%
DIG	BĐS	19.4	0.8%	1.6	11,801	166.9	1,246	15.5	1.5	4.1%	1.4%
CEO	BĐS	14.5	2.1%	1.6	7,836	121.4	278	52.2	1.3	4.5%	3.2%
IJC	BĐS	14.7	0.0%	1.7	5,534	27.0	1,353	10.8	1.1	4.8%	7.9%
SIP	BĐS KCN	87.5	2.1%	0.0	18,422	91.3	3,766	23.2	4.3	4.9%	29.5%
VIB	Ngân hàng	20.6	0.2%	0.9	61,370	164.1	3,235	6.4	1.5	5.0%	18.1%
SHS	Chứng khoán	14.2	-1.4%	2.2	11,547	116.6	1,019	13.9	1.0	5.4%	9.4%
VGC	BĐS KCN	52.8	0.4%	1.8	23,673	37.9	1,981	26.7	2.9	5.6%	13.7%
VTP	Logistics	152.2	0.0%	0.0	18,535	51.6	3,038	50.1	11.6	6.8%	24.1%
HHV	Xây dựng	13.0	0.8%	1.7	5,598	156.0	935	13.9	1.0	7.0%	4.8%
GEX	Tiện ích	22.5	-0.2%	2.2	19,294	179.5	1,788	12.6	1.4	7.3%	12.3%
DBC	Bán lẻ	28.0	0.4%	1.9	9,354	167.3	2,181	12.8	1.4	7.9%	13.5%
PDR	BĐS	19.2	-1.3%	1.9	16,721	118.5	1,008	19.0	1.5	7.9%	5.0%
NKG	VLXD	14.1	-1.1%	1.5	6,288	72.0	751	18.7	1.1	8.0%	8.0%
DRC	Cao su	28.8	-1.0%	1.0	3,415	21.4	1,919	15.0	1.8	8.9%	12.3%
DPM	Phân bón	37.2	0.0%	1.5	14,558	141.6	1,385	26.9	1.3	9.1%	5.3%
VND	Chứng khoán	13.4	-0.4%	1.9	20,323	175.9	1,327	10.1	1.0	10.6%	9.5%
PVT	Logistics	26.4	-0.6%	1.3	9,399	35.1	2,135	12.4	1.2	12.5%	15.1%
QNS	Bán lẻ	50.3	-0.3%	0.91	18,503	19.3	3648	13.8	1.9	13.1%	25.6%

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HAH	Logistics	53.2	-0.9%	1.6	6,455	83.9	2,390	22.3	2.0	13.8%	21.9%
PC1	Tiện ích	23.8	-0.8%	1.7	8,494	46.7	1,468	16.2	1.5	15.3%	8.6%
TNG	Dệt may	23.4	0.4%	1.1	2,869	17.2	2,529	9.3	1.5	16.3%	17.5%
HDB	Ngân hàng	23.1	0.9%	0.9	80,561	285.1	3,628	6.4	1.5	17.4%	25.8%
PLX	Dầu khí	43.2	0.2%	1.0	54,890	80.0	1,826	23.7	2.1	17.4%	11.1%
VRE	BĐS	17.3	-0.6%	1.3	39,197	152.8	1,945	8.9	0.9	17.7%	10.3%
PHR	BĐS KCN	62.4	1.3%	1.3	8,455	53.3	1,810	34.5	2.3	18.8%	12.7%
DXG	BĐS	15.2	-1.0%	1.6	13,193	135.9	260	58.4	1.3	18.9%	2.5%
KBC	BĐS KCN	29.5	-1.2%	1.8	22,606	136.7	5,211	5.7	1.2	19.5%	2.3%
HDG	Tiện ích	27.7	-0.5%	1.5	9,316	39.2	2,890	9.6	1.5	20.0%	9.4%
PTB	VLXD	60.4	-1.0%	1.0	4,043	5.0	5,521	10.9	1.4	23.4%	13.2%
VCI	Chứng khoán	36.3	-0.1%	1.8	26,031	276.8	780	46.5	2.0	25.4%	9.0%
MSB	Ngân hàng	11.6	0.0%	1.3	30,030	221.6	2,092	5.5	0.8	27.5%	16.2%
TPB	Ngân hàng	17.0	-0.6%	1.0	44,913	201.2	2,271	7.5	1.2	30.0%	17.3%
FRT	Bán lẻ	184.0	-2.4%	1.0	25,069	149.3	734	250.7	13.1	34.5%	18.1%
DHC	Hóa chất	35.1	-0.9%	1.1	2,825	8.3	3,727	9.4	1.4	39.9%	12.6%
BSI	Chứng khoán	46.4	-0.8%	2.0	10,339	12.5	1,973	23.5	2.0	41.1%	8.5%
HCM	Chứng khoán	29.9	-0.3%	1.8	21,527	200.4	1,611	18.6	2.1	43.7%	11.1%
CTD	Xây dựng	95.0	3.8%	1.4	9,493	125.1	4,303	22.1	1.1	48.9%	4.4%
REE	Tiện ích	72.0	-0.1%	1.0	33,913	93.8	5,115	14.1	1.8	49.0%	11.0%
BMP	VLXD	118.5	-0.8%	1.0	9,701	21.8	12,582	9.4	3.6	83.2%	36.8%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Đỗ Thu Phương

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Định lượng

Phuongdt@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Vĩ mô – Thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSC ResearchV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký